

Bàn thêm về đối tượng của Lịch sử kinh tế, Lịch sử kinh tế Việt Nam

Phạm Văn Chiến*

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 11 tháng 4 năm 2007

Tóm tắt. Đối tượng của Kinh tế chính trị là quan hệ sản xuất và những mối liên hệ của nó trong sự tương tác qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng, nhưng đối tượng trực tiếp của nó là quan hệ sản xuất.

Đối tượng trực tiếp của Lịch sử kinh tế gồm các phương thức sản xuất và một bộ phận kiến trúc thượng tầng. Nó cũng nghiên cứu những điều kiện tự nhiên và xã hội cũng như ý thức xã hội tác động đến nền kinh tế. Song thực chất, Lịch sử kinh tế nghiên cứu các cơ cấu kinh tế, trong đó cơ cấu các quan hệ sản xuất là bản chất nhất và được thể hiện qua cơ cấu sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng; cơ cấu kinh tế ngành; cơ cấu các thành phần kinh tế, v.v...

Trong bài viết này, tác giả không có ý định bàn đầy đủ và toàn diện về đối tượng của Lịch sử kinh tế, Lịch sử kinh tế Việt Nam, tác giả chỉ bàn thêm một số nội dung mà các tài liệu đã có chưa chú ý đến hoặc bàn chưa đầy đủ.

Việc cần thiết để xác định đối tượng của Lịch sử kinh tế là phân biệt đối tượng của Lịch sử kinh tế và đối tượng của Kinh tế chính trị khác nhau như thế nào?

"Hội nghị phương pháp luận sử học Việt Nam năm 1959, dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và sự phát triển lịch sử xã hội, có tham khảo những cuộc tranh luận xung quanh việc xác định đối tượng nghiên cứu của khoa học lịch sử trên thế giới,

đã bước đầu nhất trí xác định về mặt cơ bản đối tượng nghiên cứu của khoa học Lịch sử kinh tế ở nước ta gồm có 3 điểm như sau:

1. Nghiên cứu quá trình phát triển tổng thể của những lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất chi phối mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử Việt Nam nói chung, Lịch sử kinh tế Việt Nam nói riêng.

2. Nghiên cứu sự phát triển tổng quát các yếu tố cấu thành sức sản xuất xã hội ở mỗi giai đoạn lịch sử tương ứng với sự xuất hiện, phát triển của các quan hệ sản xuất trong xã hội đó, ở giai đoạn lịch sử đó.

3. Nghiên cứu một phần, một số yếu tố của kiến trúc thượng tầng, khi các yếu tố đó có tác động trực tiếp đến sự phát triển nền kinh tế của nước đó, xã hội đó như hệ tư tưởng xã hội có liên quan về kinh tế, hay tư duy kinh tế, cơ chế kinh tế, bộ máy quản lý kinh tế..."[1]. Như vậy theo quan niệm này

*ĐT: 84-04-8540174

E-mail: chienpv@vnu.edu.vn.

những vấn đề cơ bản của khoa học “Lịch sử kinh tế ở nước ta” vừa là đối tượng của Lịch sử kinh tế đồng thời là đối tượng của Lịch sử kinh tế Việt Nam.

Trong giáo trình “Lịch sử kinh tế” của trường đại học kinh tế quốc dân, khái niệm Lịch sử kinh tế được định nghĩa “là một môn khoa học xã hội, nghiên cứu sự phát triển tổng hợp nền kinh tế của một nước (hoặc một số nước) qua các thời kỳ lịch sử hay trong một giai đoạn lịch sử cụ thể”[2] còn đối tượng của Lịch sử kinh tế được xác định như sau: “Đối tượng nghiên cứu của Lịch sử kinh tế là sự phát triển của quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất”[2] Lịch sử kinh tế còn đề cập đến một số yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng như đường lối chính sách, luật pháp của Nhà nước... để góp phần làm rõ đối tượng nghiên cứu [2].

Như vậy, có thể nói gọn lại như sau: Lịch sử kinh tế không những nghiên cứu những lực lượng sản xuất hay quan hệ sản xuất, nghiên cứu sức sản xuất của xã hội trong mỗi giai đoạn lịch sử tương ứng với những quan hệ sản xuất trong xã hội đó, mà còn nghiên cứu sự phát triển tổng thể của chúng, nghĩa là nghiên cứu tổng thể phương thức sản xuất trong những giai đoạn phát triển lịch sử khác nhau. Lịch sử kinh tế còn nghiên cứu một phần, một số yếu tố của kiến trúc thượng tầng có tác động trực tiếp đến sự phát triển của nền kinh tế [3].

Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác-Lê nin được xác định là: nghiên cứu những quan hệ sản xuất của nền kinh tế. Tuy nhiên, quan hệ sản xuất mới chỉ là đối tượng trực tiếp của kinh tế chính trị, kinh tế chính trị còn nghiên cứu cả lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng trong chừng mực nó tác động qua lại với quan hệ sản xuất. Nếu so đối tượng của kinh tế chính trị với đối tượng của Lịch sử kinh tế thì đối tượng của Lịch sử

kinh tế trùng với đối tượng của Kinh tế chính trị?

Nếu đối tượng của Lịch sử kinh tế chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu những lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và một phần kiến trúc thượng tầng thì trùng hẳn với đối tượng kinh tế chính trị, do vậy, người ta mới nhấn mạnh tới việc nghiên cứu “*tổng thể* sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất...” hay “*tổng quát* các yếu tố cấu thành sức sản xuất...” nhưng phải chăng kinh tế chính trị không nghiên cứu tổng thể, tổng quát... những vấn đề đó? Việc nghiên cứu “*phương thức sản xuất*” cũng có nghĩa là việc nghiên cứu tổng thể, tổng quát lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất rồi, vì phương thức sản xuất bao gồm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất cũng như những mối quan hệ giữa chúng. Do vậy, việc dùng thuật ngữ “*tổng thể*”, “*tổng quát*” ở đây, không thể làm cho đối tượng của Kinh tế chính trị và đối tượng của Lịch sử kinh tế khác nhau được.

Có người giải thích rằng, đối tượng của Lịch sử kinh tế khác với đối tượng của Kinh tế chính trị ở chỗ, Lịch sử kinh tế cũng nghiên cứu những vấn đề đó nhưng trong mỗi giai đoạn cụ thể lịch sử của mỗi nước khác nhau. Phải chăng Kinh tế chính trị chỉ nghiên cứu các hình thái kinh tế chung mà không nghiên cứu nền kinh tế của một nước nào đó? Chẳng hạn các nhà Kinh tế chính trị Việt Nam có nghiên cứu nền kinh tế Việt Nam hay không? Rõ ràng các nhà kinh tế chính trị Việt Nam cũng nghiên cứu nền kinh tế Việt Nam và cũng nghiên cứu trong các giai đoạn phát triển lịch sử khác nhau.

Vậy đối tượng của Kinh tế chính trị khác với đối tượng của Lịch sử kinh tế ở chỗ nào?

Thứ nhất, đối tượng trực tiếp của Kinh tế chính trị là quan hệ sản xuất, chứ không phải là lực lượng sản xuất hay kiến trúc thượng tầng nhưng Kinh tế chính trị cũng nghiên

cứu sự tác động qua lại của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Kinh tế chính trị không trực tiếp nghiên cứu lực lượng sản xuất hay một bộ phận kiến trúc thượng tầng cũng như không nghiên cứu toàn bộ về nó, mà chỉ nghiên cứu những vấn đề này trong chừng mực chúng tác động đến quan hệ sản xuất. Còn đối tượng trực tiếp của Lịch sử kinh tế là những lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất (hay phương thức sản xuất) và một phần kiến trúc thượng tầng như đã nói ở trên, nhưng không dừng lại ở đó, Lịch sử kinh tế còn nghiên cứu cả những điều kiện tự nhiên, xã hội và toàn bộ kiến trúc thượng tầng, mà trong đó nền kinh tế vận động và phát triển (ở [1] chỉ nói đến những vấn đề cơ bản của đối tượng Lịch sử kinh tế chứ chưa phải là toàn bộ). Cũng giống như Kinh tế chính trị, Lịch sử kinh tế không nghiên cứu trực tiếp tự nhiên hay những quan hệ xã hội và kiến trúc thượng tầng, nhưng nghiên cứu những điều kiện tự nhiên, quan hệ xã hội và kiến trúc thượng tầng trong chừng mực chúng tác động đến sự phát triển của nền kinh tế, trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể khác nhau. Rõ ràng Lịch sử kinh tế có đối tượng rộng hơn đối tượng của Kinh tế chính trị.

Thứ hai, quan hệ sản xuất chỉ là yếu tố bản chất nhất của nền kinh tế, do vậy Kinh tế chính trị có đối tượng hẹp hơn Lịch sử kinh tế cũng là lẽ đương nhiên, không thể mô tả chân thực nền kinh tế nếu không biết rõ về bản chất của nó. Đó cũng là mối quan hệ giữa Kinh tế chính trị và Lịch sử kinh tế.

Đối tượng của lịch sử kinh tế là gì?

Để tìm hiểu rõ hơn đối tượng của Lịch sử kinh tế cần làm rõ một số khái niệm, trước hết là khái niệm “Lịch sử kinh tế” và “Lịch sử

kinh tế quốc dân”. Lịch sử kinh tế có nghĩa là lịch sử các nền kinh tế, còn Lịch sử kinh tế quốc dân có nghĩa là lịch sử các nền kinh tế trong phạm vi một quốc gia. Như vậy khái niệm Lịch sử kinh tế rộng hơn Lịch sử kinh tế quốc dân vì Lịch sử kinh tế còn bao gồm cả lịch sử những nền kinh tế chưa trở thành quốc gia. Chẳng hạn, Lịch sử kinh tế quốc dân Việt Nam chỉ có đối tượng nghiên cứu nền kinh tế khi có quốc dân Việt Nam. Còn nền kinh tế thời kỳ nguyên thủy, nền kinh tế thời kỳ bắc thuộc, nền kinh tế thời kỳ Pháp thuộc... không nằm trong đối tượng nghiên cứu của nó vì lúc đó không có quốc dân Việt Nam.

Cũng từ khái niệm về Lịch sử kinh tế có thể hiểu đối tượng của Lịch sử kinh tế là nghiên cứu sự phát triển của các “nền kinh tế”.

“Nền kinh tế” cho tới nay có nhiều định nghĩa khác nhau. Mỗi định nghĩa đều phản ánh một mặt nào đó, một góc nhìn nào đó đối với nền kinh tế, chẳng hạn, nền kinh tế bao gồm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất là phản ánh mối quan hệ giữa người và tự nhiên trong quá trình sáng tạo ra của cải còn quan hệ sản xuất là những mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sáng tạo ra của cải. Phương thức sản xuất- gồm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất và những mối quan hệ giữa chúng là bản chất của các hoạt động của con người hay bản chất của nền kinh tế. Khi xuất hiện Nhà nước - là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp, đứng trên các giai cấp để điều hòa mâu thuẫn giai cấp - Nhà nước đã có những tác động nhất định vào quá trình sáng tạo ra của cải. Chính từ quan niệm này về nền kinh tế mà có quan niệm về đối tượng của Lịch sử kinh tế như trên [1].

Nhưng lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là những yếu tố bản chất của nền kinh tế, do vậy không thể nghiên cứu trực tiếp

chúng mà nghiên cứu chúng qua các biến hiện của nó, đó là qua các quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng về của cải. So với phương thức sản xuất thì sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng về của cải biểu hiện cụ thể hơn nền kinh tế. Đến lượt nó, việc nghiên cứu sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng của cải lại phải được cụ thể trong các ngành của nền kinh tế như nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính... Và bản thân các ngành kinh tế cũng không đủ để nghiên cứu toàn diện về nền kinh tế, chẳng hạn như những vấn đề về kinh tế nông thôn, kinh tế thành thị, các trung tâm kinh tế và sự chuyển dịch các trung tâm kinh tế... Do vậy có thể đi đến những vấn đề như sau:

1. Nếu xét ở góc độ các cơ cấu của nền kinh tế thì việc nghiên cứu quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất cũng như cơ sở và kiến trúc hạ tầng, chỉ là cơ cấu bản chất nhất của nền kinh tế và việc nghiên cứu sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thông qua các quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng về của cải thì lại là nghiên cứu thông qua cơ cấu khác của nền kinh tế. Khi nghiên cứu thông qua các ngành kinh tế... cũng có nghĩa là đã thông qua các cơ cấu kinh tế nổi ra ngoài hơn nữa... do vậy nếu chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu "tổng quát những lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất" thì mới chỉ dừng lại ở bản chất sâu sắc nhất của nền kinh tế mà thôi.

2. Từ đó có thể đi đến quan niệm về đối tượng của Lịch sử kinh tế là: nghiên cứu các cơ cấu của nền kinh tế, từ cơ cấu bản chất nhất như kết cấu quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất... đến các cơ cấu sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng... đến các cơ cấu nổi ra ngoài hơn như cơ cấu kinh tế ngành, cơ cấu kinh tế thành phần, cơ cấu kinh tế vùng... và nếu dựa vào các cơ cấu kinh tế đó, nền kinh tế được định nghĩa như, nền kinh tế

gồm toàn bộ các lực lượng sản xuất và các quan hệ sản xuất; nền kinh tế gồm toàn bộ các quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng của cải; nền kinh tế bao gồm toàn bộ các ngành; nền kinh tế bao gồm toàn bộ các thành phần kinh tế...

3. Nhấn mạnh việc nghiên cứu cơ cấu kinh tế cũng có nghĩa, không chỉ nghiên cứu cơ cấu của quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất hay một phương thức sản xuất nào đó, mà còn nghiên cứu cơ cấu các phương thức sản xuất trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định, trong đó vạch rõ một phương thức sản xuất thống trị. Trong mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử, thường có sự tồn tại của nhiều phương thức sản xuất khác nhau, rất ít thời kỳ lịch sử chỉ có một phương thức sản xuất mà các phương thức sản xuất thường cùng tồn tại và đan xen nhau, chẳng hạn nền kinh tế Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc, gồm ít nhất có các phương thức sản xuất như:

+ Phương thức sản xuất phong kiến, dựa trên cơ sở bóc lột nông nô (sự tồn tại của phương thức sản xuất này trong thời Pháp thuộc không cần phải bàn cãi). Cơ sở cho sự tồn tại của giai cấp địa chủ và nông nô, ở đây là nông nô chứ không phải nông dân. Nông dân còn bao gồm cả những người sản xuất hàng hóa nhỏ trong nông nghiệp, phú nông, nông dân sản xuất tự cấp tự túc... phương thức sản xuất phong kiến vẫn tồn tại phổ biến trong thời kỳ Pháp thuộc, do vậy tỷ trọng dân cư chủ yếu của nước ta trong thời Pháp thuộc là nằm trong phương thức sản xuất này nhưng vai trò của quan hệ sản xuất phong kiến đã thay đổi, nó không còn tính chất tiên bộ mà mang tính chất kìm hãm sự phát triển của sản xuất và xã hội. Nó không còn đóng vai trò thống trị trong nền kinh tế như thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ, nó đã trở thành quan hệ phụ thuộc và trở thành công cụ để thống trị và khai thác thuộc địa

của thực dân Pháp hay công cụ để thực dân Pháp nô dịch nước ta.

+ Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, đây là phương thức sản xuất mới được xuất hiện trong thời kỳ Pháp thuộc (trong lĩnh vực nông nghiệp đó là sự xuất hiện các đồn điền tư bản, trong công nghiệp đó là hình thức sản xuất công xưởng tư bản... xuất hiện sự kinh doanh theo kiểu bóc lột lao động làm thuê). Đây là phương thức sản xuất mới xuất hiện ở Việt Nam, nó tiến bộ hơn phương thức sản xuất phong kiến và đang phát triển.

Mặc dù vậy, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam ngay đến cả năm 1945 cũng chưa bao giờ đóng vai trò thống trị (vì trong mỗi giai đoạn lịch sử có nhiều phương thức sản xuất cùng tồn tại nhưng trong đó có một phương thức sản xuất thống trị, tên của phương thức sản xuất thống trị chính là tên của giai đoạn lịch sử đó). Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong giai đoạn này trở thành công cụ khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, nó chỉ được phát triển trong chừng mực là công cụ khai thác thuộc địa. Thực dân Pháp nhờ sự phát triển của phương thức sản xuất này mà khai thác thuộc địa với quy mô lớn hay có hiệu quả hơn, nhưng thực dân Pháp sang đây không phải với mục đích phát triển chủ nghĩa tư bản, cũng không phải phát triển phương thức sản xuất tư bản ở đây để phát triển sản xuất ở thuộc địa mà sự xác lập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chỉ để phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa có hiệu quả hơn của thực dân Pháp.

Nếu thực dân Pháp có phát triển một số lĩnh vực kinh tế, văn hóa nào đó, là vì để phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa có hiệu quả hơn mà thôi, do vậy, thực dân Pháp đã không đẩy mạnh sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam, ngược lại còn kìm hãm sự phát triển của nó, cố gắng duy trì nó trong chừng mực là công cụ để khai thác thuộc địa

có hiệu quả hơn của thực dân Pháp. Nếu chủ nghĩa tư bản được phát triển mạnh ở Việt Nam thì đến mức nào đó, nền kinh tế vùng thuộc địa này sẽ cạnh tranh với nền kinh tế Pháp thậm chí nếu phát triển hơn Pháp sẽ thống trị lại Pháp. Do vậy, mặc dù là phương thức sản xuất tiến bộ nhất lúc đương thời ở Việt Nam nhưng trong thời kỳ Pháp thuộc, nó cũng là một phương thức sản xuất nhỏ yếu và bị chèn ép. Thời kỳ Pháp thuộc, cũng có thể nói, đó là *thời kỳ xác lập chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam*.

Nếu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đóng vai trò thống trị trong giai đoạn này thì trong lịch sử Việt Nam phải thay tên "thời kỳ Pháp thuộc" bằng "*thời kỳ tư bản chủ nghĩa*" cũng giống như thời kỳ phong kiến đã từng thống trị trước kia được đặt tên là "*thời kỳ phong kiến*", và sau này cũng không thể viết rằng: nước ta từ một nền kinh tế thuộc địa nửa phong kiến *bỏ qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản* tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội vì trong thời kỳ Pháp thuộc đã phát triển chủ nghĩa tư bản rồi.

Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ Pháp thuộc là một **quan hệ phụ thuộc**, nó đã bị một quan hệ khác mạnh hơn thống trị và chi phối, đó là quan hệ thuộc địa.

+ Phương thức sản xuất hàng hóa nhỏ, đó là những người tiến hành sản xuất hàng hóa nhỏ, họ vừa là người tư hữu tư liệu sản xuất với quy mô nhỏ vừa là những người lao động trực tiếp trên cơ sở những tư liệu sản xuất đó. Đó là những hộ gia đình tiểu thủ công nghiệp, những chủ trang trại hộ, trung nông, phú nông, tiểu thương... phương thức sản xuất này đã tự phát nảy sinh trong chế độ phong kiến và tiếp tục phát triển trong thời kỳ Pháp thuộc. Phương thức sản xuất này đã cung cấp những sản phẩm cần thiết cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

+ Phương thức sản xuất tự cấp tự túc, cũng giống như phương thức sản xuất hàng hóa nhỏ nhưng quy mô tư hữu về tư liệu sản xuất và lao động quá nhỏ chỉ thỏa mãn nhu cầu trực tiếp, phương thức sản xuất này tồn tại ở hầu hết các vùng miền núi và nông thôn Việt Nam.

+ Các phương thức sản xuất hay các quan hệ sản xuất trên, trong thời kỳ Pháp thuộc đều trở thành quan hệ phụ thuộc, đều bị một quan hệ đặc biệt trùm lên và thống trị, đó là quan hệ thuộc địa. Quan hệ thuộc địa chi phối và quyết định tất cả, quan hệ thuộc địa đã hướng tất cả các quan hệ khác trở thành các công cụ phục vụ cho nó, các quan hệ khác chỉ được tồn tại và phát triển trong chừng mực là công cụ phục vụ cho quan hệ thuộc địa, quan hệ thuộc địa trong thời kỳ này mới là quan hệ đóng vai trò quyết định xu hướng vận động, phát triển của nền kinh tế thời kỳ Pháp thuộc, nhưng trong thời kỳ này quan hệ sản xuất phong kiến vẫn là quan hệ phổ biến, do vậy, thời kỳ này là thời kỳ đặc biệt trong lịch sử Việt Nam, đó là *thời kỳ thuộc địa nửa phong kiến*.

4. Có thể quan niệm chung hơn về khái niệm của môn Lịch sử kinh tế là: nghiên cứu sự phát triển, biến đổi của các cơ cấu của nền kinh tế, trong các giai đoạn lịch sử khác nhau.

Nghiên cứu sự phát triển của các cơ cấu của nền kinh tế chính là nghiên cứu nền kinh tế ở các góc độ khác nhau, hay nghiên cứu đa chiều về nền kinh tế, hay như ta thường nói, đó là nghiên cứu toàn diện sự phát triển của nền kinh tế.

Nghiên cứu đa chiều về nền kinh tế không có nghĩa coi nền kinh tế là một mớ lộn xộn những sự kiện và quy luật kinh tế mà phải đứng trên cái trực quan trọng nhất của nền kinh tế, cái lô gíc bản chất nhất của nền kinh tế, đó là sự biến đổi của các phương thức sản xuất hay cơ cấu các quan hệ sản xuất, trong đó có một quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất thống trị mới có tính quyết định xu hướng phát triển của nền kinh tế trong giai đoạn đó. Các quan hệ sản xuất trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định hợp thành cơ cấu kinh tế - xã hội, cơ cấu này là cơ sở của kiến trúc thượng tầng. Tất cả các cơ cấu kinh tế khác chỉ là cụ thể hóa, là sự thể hiện của cơ cấu kinh tế này, do vậy, các cơ cấu kinh tế khác là thể hiện mang tích lịch sử của cơ cấu kinh tế - xã hội.

Trong những trường hợp đặc biệt của lịch sử, như thời kỳ là thuộc địa, thì các quan hệ sản xuất lại bị một quan hệ khác thống trị và quyết định, nó biến các quan hệ sản xuất thành phương tiện phục vụ cho nó, đó là quan hệ thuộc địa. Quan hệ thuộc địa mới là quan hệ có tính quyết định xu hướng phát triển của nền kinh tế trong thời kỳ đó.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Quốc Sừ, *Một số vấn đề về lịch sử kinh tế Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [2] Nguyễn Trí Dĩnh (chủ biên), Phạm Thị Quý, *Giáo trình lịch sử kinh tế*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2003.
- [3] Phạm Văn Chiến, *Lịch sử kinh tế Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003.

Further discussion on the object of Economic History, History of Vietnamese Economy

Pham Van Chien*

*College of Economics, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Object of the political economy is production relations and those relations are interacted with production forces and the superstructure but its direct object is production relations.

Direct object of economic history includes the mode of production and a part of superstructure. It also analyses the natural and social conditions as well as social awareness which influence to the economy. Essentially, the economic history analyses economic structures, in which a structure of production relations is the first nature and it is expressed through a structure of production-distribution-exchange-consumption; an economic structure of industry (branch), a structure of economic sector, etc.

*Tel.: 84-04-7540174

E-mail: chienpv@vnu.edu.vn.